

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-10-2019.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Châu Nữ Thu Hân.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 10/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2019 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Minh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đường T, tổ M, ấp H, xã N, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hữu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ B, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị T có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Minh T kết hôn với anh Nguyễn Hữu H vào năm 2017, hôn nhân có tình nghĩa trước khoảng 04 năm, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 23/02/2017.

Sau khi kết hôn, Chị T có thai nhưng anh H không quan tâm đến chị, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu bia, về nhà gây sự cãi vã với vợ. Chị T nhiều lần khuyên can nhưng anh H không sửa đổi còn làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do bất đồng quan điểm nên tháng 4/2017 (khi Chị T mang thai được tám tháng), Chị T về nhà mẹ ruột ở xã Mỹ Ngãi sinh sống nên vợ chồng không còn sống chung.

Vào tháng 6/2018, Chị T có nộp đơn xin ly hôn nhưng được Tòa án động viên và anh H hứa sẽ sửa đổi tính tình nên Chị T cho anh H một cơ hội thay đổi và chị đồng ý rút đơn khởi kiện. Sau khi trở về chung sống với anh H, Chị T mang thai đứa con thứ hai nhưng anh H vẫn không sửa đổi nên chị mang con về nhà mẹ ruột sống đến nay.

Từ khi Chị T sinh con đến nay, anh H không hề chăm sóc mặc dù Chị T nhiều lần điện thoại cho anh H nhắc nhở, khuyên anh H lo làm ăn để chăm lo cho gia đình nhưng anh H không hề quan tâm, không thay đổi, Chị T một mình nuôi dưỡng, chăm sóc hai con nhỏ. Nay Chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh H, mặc dù Chị T cho anh H rất nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng anh H không sửa chữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/6/2017 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/01/2019, hiện con chung đang sống với Chị T. Sau khi ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đơn khởi kiện Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở đối với mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi nhưng tại phiên tòa Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn, anh Nguyễn Hữu H đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Minh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Nguyễn Hữu H có địa chỉ tại phường S, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu H, anh H có mặt tại địa phương nhưng anh H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và anh H cũng không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Hữu H được xác lập vào năm 2017, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 23/02/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiên tòa hôm nay, Chị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H cũng không có mặt để trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, Chị T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn năm 2018 nhưng để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nên Chị T rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Chị T và anh H trở lại sống chung thời gian ngắn thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, Chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó đến nay vợ chồng không hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có đoàn tụ cũng không thể hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

[3] Xét về nuôi con: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Hữu H có 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/6/2017 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/01/2019, hiện con chung đang sống với Chị T. Sau khi ly hôn, Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung; anh H không có văn bản ghi ý kiến, không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H cũng không có mặt để trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hai con chung của Chị T và anh H từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với Chị T, có cuộc sống ổn định,

hai bé còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 07/6/2017 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/01/2019 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở đối với mỗi con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10/2019 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, anh H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, Chị T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; anh H vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu H.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Minh T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày

07/6/2017 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 30/01/2019, hiện con chung đang sống với Chị T.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008931 ngày 03/6/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu H có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Bản án có hiệu lực thi hành ngày 18/11/2019.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh (số 05, ngày 23/02/2017);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh